

ĐỀ 1**ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I****NĂM HỌC 2025-2026****MÔN: NGỮ VĂN 10****I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)****Đọc văn bản sau:**

Mùa giáp hạt về, nồi cơm độn toàn khoai sẵn. Bà nghen ngào nói với đàn cháu nhỏ: “Sắp hết gạo rồi, các cháu ráng chịu khổ một chút. Hồi bà còn bé như các cháu, đến mùa giáp hạt, ngay cả khoai sẵn cũng không có mà ăn...”. Nghe bà kể, tôi chợt nhớ về nạn đói năm 1945 mà trong tiết học Lịch sử mấy hôm trước, thầy giáo đã tái hiện rất chi tiết. Đời bà khổ từ lúc lọt lòng cho tới tận về già, khi đã gần bước sang tuổi tám mươi vẫn còn chịu cảnh bần hàn, cơ cực. Thương bà, sau bữa cơm, tôi dặn đứa em không được vùi vĩnh, làm nũng bà.

Rồi thì gạo trong chum hết sạch, bà phải tát tưới mang rá sang nhà bên vay gạo. Dù gạo trong chum cũng đã vơi cạn, nhưng chẳng chút đắn đo, bà hàng xóm vẫn niềm nở cho bà tôi vay mấy bát gạo liền, lại còn cho thêm khúc cá đồng kho mặn.

[...] Những ngày tiếp đó, để tiết kiệm chút gạo ít ỏi mới vay được, bà cháu tôi đành phải ăn cháo rau má trộn với muối lạc, ba phần gạo, đến bảy phần là rau má thái nhỏ. Nuốt thìa cháo nóng vào lòng rồi mà cổ họng vẫn còn đắng đót. Đứa em tôi không quen ăn cháo rau má nên nôn thốc, nôn tháo. Bà thương trào nước mắt, liền buông đũa, lật đật nhóm bếp nấu cơm cho em.

Đêm nằm bên bà, tôi nghe rõ tiếng bà thở dài trầm buồn, mỗi mệ. Suốt mấy đêm liền, bà cứ thao thức trở mình mà không sao chợp mắt nổi. Tôi biết những ngày như thế này, bà có hàng trăm thứ phải lo nghĩ. Chủ nợ mấy quán tạp hóa ngoài chợ cũng đã đánh tiếng. Bà ngày càng gầy sọp đi. Khóe mắt hốc hác. Da dẻ xuống sắc vàng vọt. Tài sản có giá trị lớn nhất trong nhà lúc ấy là con nghé non chưa tròn hai năm tuổi, bà đành ngậm ngùi bán đi. Còn nhớ hôm đó, khi người đàn ông đi đôi ủng da màu đen lẳng lẳng dắt con nghé ra khỏi cổng, tôi và em tôi đã chạy theo òa khóc nức nở. Số tiền bán con nghé cũng chỉ vừa đủ trang trải nợ nần và mua thêm nửa yến gạo.

Trong một bữa tối, nhường phần cơm trắng cho đàn cháu nhỏ, bà ăn củ chuối luộc chấm nước mắm. Bà cười bảo: “Lúc trưa bà ăn cơm giờ vẫn còn no lắm. Với lại bà thích ăn củ chuối hơn”. Tự dưng lồng ngực nhói lên nghèn nghẹn, tôi đáp lại: “Cháu cũng thích ăn củ chuối hơn ăn cơm. Bà xem kìa, cơm trắng vẫn còn nhiều quá!”. Bà ôm hai đứa cháu nhỏ côی cút vào lòng, đôi mắt lại rom róm nước...

(Trích Mùa giáp hạt, Phan Đức Lộc, baoquangbinh.vn, 18/4/2015)

Trả lời các câu hỏi:**Câu 1 (0,75 điểm):** Ngôi kể được sử dụng trong văn bản trên là?**Câu 2 (0,75 điểm):** Trong văn bản trên, dấu [...] dùng để biểu thị nội dung nào?**Câu 3 (0,75 điểm):** Truyện có những sự kiện chính nào?**Câu 4 (0,75 điểm):** Chủ đề của truyện là gì?

Câu 5 (1,0 điểm): Câu chuyện nhắc nhở em điều gì trong cuộc sống? Giải thích vì sao?

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) phân tích “Vẻ đẹp của hình tượng người Bà” trong truyện ngắn *Mùa giấp hạt* của Phan Đức Lộc được trích ở phần đọc hiểu.

Câu 2 (4,0 điểm): Hãy viết bài luận (khoảng 500 đến 600 chữ) thuyết phục người khác từ bỏ quan niệm: ***Quá đề cao cái tôi cá nhân.***

----- **Hết** -----

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu tham khảo dưới mọi hình thức)

ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Ngôi kể: Ngôi thứ nhất <i>Hướng dẫn chấm:</i> - Trả lời được như đáp án: 0,75 điểm - Trả lời sai/ Không trả lời: 0,0 điểm	0,75
	2	Dấu [...] dùng để: Đánh dấu phần bị tỉnh lược , nội dung ít quan trọng trong văn bản. <i>Hướng dẫn chấm:</i> - Trả lời được như đáp án: 0,75 điểm - Trả lời sai/ Không trả lời: 0,0 điểm	0,75
	3	Các sự kiện chính trong văn bản gồm: - Mùa giấp hạt đến, Bà thông báo về việc gia đình hết gạo và động viên các cháu. - Bà phải đi vay gạo và cả nhà ăn cháo rau, Bà xót thương em nhỏ không ăn được. - Bà quyết định bán con nghé non. - Bữa cơm tối, Bà và cháu lớn nhường nhau phần cơm trắng. <i>Hướng dẫn chấm:</i> - Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 0,75 điểm. - Học sinh trả lời 2-3 ý so với đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời 1 ý so với đáp án: 0,25 điểm. - Học sinh làm sai hoặc không làm: 0,0 điểm.	0,75
	4	Chủ đề của truyện: - Cảnh sống vất vả, khó khăn của người nông dân nghèo khi đến mùa giấp hạt. - Sự ám áp của tình cảm gia đình, tình Bà cháu thiêng liêng và cao cả. <i>Hướng dẫn chấm:</i> - Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 0,75 điểm. - Học sinh trả lời có ý nhưng chưa đầy đủ hoặc hơi sơ sài: 0,25 điểm - 0,5 điểm - Học sinh làm sai hoặc không làm: 0,0 điểm.	0,75
	5	Rút ra được thông điệp và lí giải hợp lí.	1,0

		<p>Sau đây là một vài gợi ý về những thông điệp được gợi ra từ câu chuyện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hãy thương yêu, quý trọng Ông Bà cha mẹ, những người luôn yêu thương và hi sinh tất cả cho hạnh phúc của con cháu. - Hãy trân trọng và yêu cuộc sống, tìm thấy ý nghĩa và hạnh phúc trong những điều bình dị. - Dù khó khăn đến đâu cũng phải kiên cường. <p>...</p> <p>Hướng dẫn chấm: Chỉ cần nêu và giải thích một thông điệp. Chấp nhận những diễn giải phù hợp không có trong gợi ý của đáp án.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nêu được và giải thích hợp lí, sâu sắc 1,0 điểm. - Học sinh nêu được và giải thích khá hợp lí nhưng chưa sâu: 0,75 điểm - Học sinh nêu được nhưng chưa giải thích hợp lí: 0,5 điểm - Học sinh làm sai hoặc không làm: 0,0 điểm. 	
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) phân tích “Vẻ đẹp của hình tượng người Bà” trong truyện ngắn Mùa gặt của Phan Đức Lộc được trích ở phần đọc hiểu.	2,0
		<p>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn:</p> <p>Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 150 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, phối hợp, móc xích hoặc song hành.</p>	0,25
		<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>Vẻ đẹp của hình tượng người Bà</p>	0,25
		<p>c. Viết đoạn văn nghị luận cần đảm bảo các yêu cầu</p> <p>Lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn lí lẽ và dẫn chứng trên cơ sở đảm bảo những nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình tượng người Bà: + Cuộc sống nghèo cực, lam lũ, nhưng chịu thương chịu khó: qua lời Bà “Hồi bà còn bé như các cháu, đến mùa gặt hạt, ngay cả khoai sắn cũng không có mà ăn...”; qua lời kể của người kể chuyện “Đời bà khổ từ lúc lọt lòng cho tới tận về già, khi đã gần bước sang tuổi tám mươi vẫn còn chịu cảnh bần hàn, cơ cực.”; qua cảnh bữa cơm gia đình ngày gặt “cháo rau má trộn với muối lạc, ba phần gạo, đến bảy phần là rau má thái nhỏ”, ... + Tấm lòng yêu thương mệnh mông và đức hi sinh: Được 	1,0

		<p>thể hiện qua hành động, thái độ và lời nói: Đi vay gạo, bán con nghé; rơi nước mắt vì thương cháu nhỏ không có cơm ăn, những tiếng thở dài, thao thức trong đêm; nhường cơm trắng cho cháu mình ăn củ chuối luộc, lời nói dối “<i>Lúc trưa bà ăn cơm giờ vẫn còn no lắm. Với lại bà thích ăn củ chuối hơn</i>”</p> <p>- Ý nghĩa của hình tượng người Bà: Là một hình ảnh tiêu biểu cho vẻ đẹp của người Bà nhân hậu, giàu yêu thương. Nhắc nhở mỗi người về tình yêu thương của Ông Bà đối với bản thân. Hãy yêu thương Ông Bà khi còn có thể và trân quý tình cảm gia đình ruột thịt. ...</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- HS trả lời như đáp án hoặc có thể diễn đạt khác nhưng hợp lí, thuyết phục: cho 1,0 điểm.</p> <p>- HS trả lời được ý 1,2: cho 0,5 điểm (mỗi ý 0,25 điểm)</p> <p>- HS trả lời được ý 3: cho 0,5 điểm</p>	
		<p>d. Diễn đạt</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.</p>	0,25
		<p>đ. Sáng tạo</p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0.25
	2	<p>Hãy viết bài luận (khoảng 500 đến 600 chữ) thuyết phục người khác từ bỏ quan niệm: <i>Quá đề cao cái tôi cá nhân.</i></p>	4,0
		<p>a. Đảm bảo bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận</p> <p>Đảm bảo yêu cầu về bố cục và dung lượng (khoảng 500 đến 600 chữ) của bài văn nghị luận.</p>	0,25
		<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</p> <p>Thuyết phục người khác từ bỏ quan niệm: <i>Quá đề cao cái tôi cá nhân.</i></p>	0,5
		<p>c. Viết bài văn nghị luận cần đảm bảo các yêu cầu</p> <p>Lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận.</p> <p>Dưới đây là một vài gợi ý:</p> <p>a. Mở bài:</p> <p>- Nêu quan niệm cần thuyết phục người khác từ bỏ: quá đề cao cái tôi cá nhân.</p> <p>(Có thể nêu lí do hay mục đích viết bài luận: mỗi người đều có giá trị của riêng mình, ai cũng có cái “tôi” từ đó hình thành nên những tính cách khác nhau, muôn màu muôn vẻ. Tuy nhiên, trong cuộc sống có nhiều cá nhân quá đề cao cái tôi, dẫn đến những hành vi không tốt. → Cần</p>	2,5

	<p>phải từ bỏ quan niệm đề cao quá mức cái tôi.)</p> <p>b. Thân bài: Triển khai các vấn đề nghị luận</p> <p>b1. Giải thích, nêu biểu hiện của quan niệm cần từ bỏ.</p> <p>+ Cái tôi: là bản ngã, bản chất, cá tính của mỗi con người, hiện hữu từ khi chúng ta sinh ra,...→Vừa để phân biệt, để mỗi cá nhân tự khẳng định mình.</p> <p>+ Quá đề cao cái tôi cá nhân: luôn xem mình là nhất, coi trọng giá trị của bản thân của mình hơn người khác (chỉ công nhận những ưu điểm của bản thân - không chấp nhận nghe những điểm yếu, khuyết điểm của mình; luôn cảm thấy bản thân làm tốt hơn người khác thậm chí là tốt nhất, không ai có thể tốt hơn mình; không chấp nhận sự thay đổi, không muốn học hỏi, nghiên cứu,...), khinh thường, hống hách với người khác, ...</p> <p>b2. Tác hại của quan niệm cần từ bỏ, có thể theo một số gợi ý sau:</p> <p>+ Khiến cá nhân trở nên ích kỷ, hẹp hòi, không nhận ra được những thiếu sót, hạn chế hay sai lầm của bản thân; không thể thay đổi và tiến bộ.</p> <p>+ Làm cho mọi người xung quanh khó chịu, không thoải mái; không nhận được sự góp ý chân thành, sự quan tâm, yêu thương từ họ.</p> <p>+ Cản trở sự đoàn kết trong tập thể, ...</p> <p>b3. Giải pháp</p> <p>+ Nhận thức được mỗi cá nhân chỉ là một phần rất nhỏ trong vũ trụ rộng lớn, hiểu rõ được giá trị của bản thân (ưu-khuyết điểm), ...</p> <p>+ Hạ thấp cái tôi bằng cách học cách lắng nghe, chấp nhận người khác, biết học hỏi,...</p> <p>+ Sống với thái độ chân thành, tử tế, cởi mở,...</p> <p>b4. Dự đoán sự đồng tình, ủng hộ của những người xung quanh khi người được thuyết phục từ bỏ quan niệm không phù hợp.</p> <p>* Kết bài: Nêu ý nghĩa của việc từ bỏ quan niệm; Rút ra bài học nhận thức và hành động của bản thân.</p> <p><i>Lưu ý: HS có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i></p>	
	d. Diễn đạt	0,25
	Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	
	đ. Sáng tạo	0,5
	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	
Tổng điểm		10,0

ĐỀ 2	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I
	NĂM HỌC 2025-2026
	MÔN: NGỮ VĂN 10

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau

MÙA HẠ

Thực hiện yêu cầu từ câu số 1 đến câu số 5:

(1) Đó là mùa của những tiếng chim reo
Trời xanh biếc, nắng tràn lên khắp ngả
Đất thành cây, mật trào lên vị quả
Bước chân người bỗng mở những đường đi

(2) Đó là mùa không thể giấu che
Cả vạn vật đều phơi trần dưới nắng
Biển xanh thẳm, cánh buồm lồng lộng trắng
Từ những miền cay đắng hóa thành thơ.

(3) Đó là mùa của những ước mơ
Những dự vọng muôn đời không kể xiết
Gió bão hòa, mưa thành sông thành bể
Một thoáng nhìn có thể hóa tình yêu

(4) Đó là mùa của những buổi chiều
Cánh diều giấy nghiêng vòm trời cao
vút
Tiếng dế thức suốt đêm dài oi bức
Tiếng cuốc dồn thúc giục nắng đang
trưa

(5) Mùa hạ của tôi, mùa hạ đã đi chưa
Ôi tuổi trẻ bao khát khao còn, hết
Mà mặt đất màu xanh là vẫn biển
Quả ngọt ngào thắm thiết vẫn màu hoa.
(Xuân Quỳnh, *Thơ Xuân Quỳnh*, NXB Văn học, 2016, tr. 34)

Câu 1: Xác định thể thơ của văn bản trên.

Câu 2: Liệt kê những âm thanh của loài vật được nói đến trong bài thơ.

Câu 3: Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê trong khổ thơ (1):

(1) Đó là mùa của những tiếng chim reo
Trời xanh biếc, nắng tràn lên khắp ngả
Đất thành cây, mật trào lên vị quả
Bước chân người bỗng mở những đường đi

Câu 4: Điệp khúc *Đó là mùa...* ở đầu các khổ thơ (1), (2), (3), (4) có ý nghĩa gì?

Câu 5: Qua bài thơ *Mùa hạ* của Xuân Quỳnh, anh/chị hãy nêu một thông điệp có ý nghĩa nhất và giải thích lý do vì sao chọn thông điệp đó.

II. VIẾT (6,0 điểm)**Câu 1. (2,0 điểm)**

Anh/chị hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) cảm nhận về một vẻ đẹp bức tranh mùa hạ trong khổ thơ đầu bài thơ *Mùa hạ* của tác giả Xuân Quỳnh.

Câu 2. (4,0 điểm)

Có thể chấp nhận thất bại nhưng nhất định không được chấp nhận buông xuôi.

Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bàn về cách ứng xử đúng đắn khi đối diện với thất bại của những người trẻ tuổi.

-----Hết-----

- Học sinh không được sử dụng tài liệu.
- Giám thị không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	Câu 1	- Văn bản trên được viết theo thể thơ: Tự do	0,75
	Câu 2	- Khổ (4) trong văn bản thơ miêu tả những âm thanh: tiếng chim reo, tiếng dế và tiếng cuốc.	0,75
	Câu 3	Chỉ ra và phân tích hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ liệt kê trong khổ thơ (1): - Biện pháp tu từ: liệt kê (<i>tiếng chim reo, trời xanh biếc, nắng tràn khắp ngả, đất thành cây, mặt trào lên vị quả</i>) - Tác dụng: + Về nghệ thuật: tăng tính biểu cảm, hấp dẫn, sinh động cho câu thơ + Về nội dung: cho thấy mùa hè đến với âm thanh rộn rã, màu sắc rực rỡ, tràn ngập hương vị ngọt ngào và căng tràn nhựa sống. - <i>Hướng dẫn chấm:</i> + <i>Xác định đúng biện pháp tu từ được 0,5 điểm</i> + <i>Nêu được đầy đủ hiệu quả nội dung và nghệ thuật được 0,5 điểm, chỉ nêu được hiệu quả nghệ thuật được 0,25 điểm</i>	0,75
	Câu 4	- Nhận xét ý nghĩa của điệp khúc <i>Đó là mùa...</i> ở đầu các khổ thơ (1), (2), (3), (4). - Về nội dung: Gợi tả cụ thể, sinh động những nét đặc trưng rất riêng của mùa hè trong cảm nhận của nhà thơ. - Về nghệ thuật: Tăng tính nhạc điệu, tính biểu cảm, hấp dẫn cho bài thơ. - <i>Hướng dẫn chấm: trả lời đúng mỗi ý được 0,5 điểm</i>	1,0
	Câu 5	- HS có thể chọn một trong số các thông điệp và đưa ra lí giải hợp lí, thuyết phục: - Mùa hạ - mùa của tuổi trẻ, của đam mê và khát vọng lớn lao, cần cháy hết mình cho tuổi trẻ. - Sự sống là vĩnh hằng bất diệt khi biết cháy hết mình với những khát vọng của tuổi trẻ. - Sống có ý nghĩa thì mùa hạ vẫn mãi bên ta... - <i>Hướng dẫn chấm:</i> + <i>Chỉ ra được đặc điểm mùa hạ của thiên nhiên và mùa hạ (tuổi trẻ) của đời người được 0,5 điểm</i>	1,0

		<p>+ Ý nghĩa của sự tương đồng được 0,5 điểm.</p> <p>+ Học sinh trình bày trong một đoạn văn, có thể triển khai theo các kiểu đoạn văn diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, móc xích, song hành.</p>	
II		PHẦN VIẾT	6,0
	Câu 1	Anh/chị hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) cảm nhận về một vẻ đẹp bức tranh mùa hạ trong khổ thơ đầu bài thơ <i>Mùa hạ</i> của Xuân Quỳnh.	2,0
		<p>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</p> <p>Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân - hợp, móc xích hoặc song hành.</p>	0,25
		<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: vẻ đẹp bức tranh mùa hạ trong khổ thơ đầu bài thơ <i>Mùa hạ</i> của Xuân Quỳnh.</p>	0,25
		<p>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận.</p> <p>Xác định được các ý phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bức tranh thiên nhiên mùa hạ tươi sáng, căng tràn sức sống mang đặc trưng của làng quê. - Mùa hạ còn là mùa mà những chặng đường mới được mở ra. Hình ảnh hoán dụ <i>bước chân người</i> gợi liên tưởng đến những bước chân tuổi trẻ mạnh mẽ, nhiệt huyết tiến lên khám phá và mở ra những con đường mới. <p>=> Đoạn thơ cũng là tiếng nói của tuổi trẻ lạc quan và khát vọng cống hiến.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sắp xếp hệ thống ý hợp lý theo đặc điểm của kiểu đoạn văn. 	0,5
		<p>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: vẻ đẹp của bức tranh mùa hạ. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục. 	0,5
		<p>đ. Diễn đạt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn 	0,25
		<p>e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,25
	Câu 2	<p><i>Có thể chấp nhận thất bại nhưng nhất định không được chấp nhận buông xuôi.</i></p> <p>Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bàn về cách ứng xử đúng đắn khi đối diện với thất bại của những người trẻ tuổi.</p>	4,0
		<p>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài</p> <p>Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội</p>	0,25
		<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: cách ứng xử đúng đắn khi đối diện với thất bại của những người trẻ tuổi.</p>	0,5
		<p>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận:</p>	1,0

		<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được các ý chính của bài viết - Sắp xếp được các ý theo bố cục hợp lí ba phần của bài văn nghị luận: <ul style="list-style-type: none"> * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận: <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích: Thất bại là trạng thái không đạt được kết quả như mình mong muốn. Buông xuôi là nản chí, không muốn cố gắng. Nhận định trên khẳng định châm ngôn sống cuộc đời có thể gặp thất bại nhưng nhất định không được nản chí, bỏ cuộc. - Bàn luận: <ul style="list-style-type: none"> + Người trẻ cần có nhận thức rõ ràng thất bại là một phần trong cuộc sống và nên chọn những cách ứng xử đúng đắn. + Biết đứng dậy sau mỗi thất bại, vấp ngã; quyết tâm, nỗ lực vượt qua; biết rút ra những bài học kinh nghiệm; biết lập kế hoạch cho hành trình mới sau mỗi thất bại... + Biết chia sẻ những cảm xúc tiêu cực với người khác, cân bằng cảm xúc cá nhân sau mỗi lần thất bại; luôn giữ tinh thần lạc quan, nhìn nhận vấn đề tích cực để không bị nhấn chìm trong sự bi quan, tiêu cực... - Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện,... * Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân 	
		<p><i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm của cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề cần nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. <p>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	1,5
		<p><i>đ. Diễn đạt</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</p>	0,25
		<p><i>e. Sáng tạo</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5

ĐỀ 3**ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I****NĂM HỌC 2025-2026****MÔN: NGỮ VĂN 10****I. PHẦN ĐỌC HIỂU (5,0 điểm)****Đọc văn bản sau và thực hiện yêu cầu:****LỊCH SỬ GIẢI NOBEL: QUY TRÌNH VÀ GIÁ TRỊ GIẢI THƯỞNG**

Nobel là hệ thống giải thưởng được trao cho các cá nhân và tổ chức đạt được những thành tựu lớn lao phục vụ cho lợi ích của nhân loại, theo ý nguyện của nhà khoa học nổi tiếng Alfred Nobel.

Lịch sử giải Nobel

Alfred Nobel là nhà khoa học, nhà phát minh đại tài, chủ nhân của 355 bằng sáng chế, trong đó đáng chú ý nhất là phát minh về thuốc nổ. Cả cuộc đời cống hiến cho khoa học, Alfred Nobel đã đạt tới đỉnh cao của vinh quang và giàu có. Sau khi qua đời vào năm 1896, Alfred Nobel đã để lại một bản di chúc gây kinh ngạc và khó hiểu cho mọi người khi ông chỉ dành một phần nhỏ gia tài của mình cho bạn bè và người thân để “khởi tạo nên những kẻ lười biếng”. Phần tài sản còn lại của ông đã được đem bán thành tiền mặt, tương đương với 70 triệu krona Thụy Điển lúc đó, để gửi ngân hàng. Số tiền lãi hàng năm sẽ trích ra, chia làm 5 giải thưởng tặng “cho những người có đóng góp lớn nhất cho nhân loại” trên các lĩnh vực: Vật lý, Hóa học, Sinh học (hoặc Y học), Văn chương, và Hòa bình. Trong các giải thưởng Nobel thì Giải Vật lý, Hóa học, Văn học và Kinh tế do Viện hàn lâm khoa học hoàng gia Thụy Điển quyết định; Giải Sinh học / Y học do Ủy ban Nobel của Viện Karolinska quyết định; và Giải Hòa bình do Ủy ban Nobel thuộc Quốc hội Na Uy quyết định.

Quy trình bầu chọn giải Nobel

Vào tháng 9 của năm trước năm trao giải, Ủy ban Nobel bí mật gửi mẫu đề cử cho 3.000 chuyên gia là những người từng được nhận giải Nobel, thành viên của đơn vị trao thưởng, các chuyên gia trong lĩnh vực Vật lý, Hóa học, Sinh học hoặc Y học, các giáo sư đầu ngành của nhiều trường đại học và các viện nghiên cứu. Tháng 2 của năm trao giải là thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ. Ủy ban Nobel sẽ sàng lọc và lựa ra các ứng cử viên. Sau đó, hội đồng chọn ra khoảng từ 250-350 người lọt vào vòng tiếp. Từ tháng 3 đến tháng 5, các chuyên gia đánh giá công trình của các ứng cử viên, sau đó Ủy ban Nobel tiến cử người đạt giải để Viện Hàn lâm chọn trên đa số phiếu bầu. Tháng 6 đến tháng 8, Ủy ban Nobel tập hợp các báo cáo có kèm theo danh sách tiến cử gửi cho Viện Hàn lâm. Bản báo cáo này được các thành viên hội đồng cùng ký tên. Từ tháng 9 đến đầu tháng 10, Ủy ban Nobel đệ trình ý kiến lựa chọn của họ lên Viện hàn lâm khoa học Hoàng gia Thụy Điển và các tổ chức trao thưởng khác. Thực tế, không phải lúc nào đơn vị trao giải cũng làm theo sự tiến cử của Ủy ban này. Vào đầu tháng 10, Viện hàn lâm chọn ra người đạt giải dựa trên đa số phiếu bầu, sau đó chính thức công bố tên người đạt giải. Việc bỏ phiếu để chọn ra người đạt giải Nobel được giữ bí mật đến giờ chót. Hằng năm, trước ngày 15/11, Ban tổ chức sẽ phải công bố danh sách những người được nhận phần thưởng cao quý này. Theo quy định của Ủy

ban Nobel, những thông tin liên quan đến quá trình xét tặng giải được giữ kín trong 50 năm.

Giá trị giải thưởng

Chủ nhân của giải Nobel sẽ được trao giấy chứng nhận, huy chương vàng cùng phần thưởng tiền mặt. Số tiền phụ thuộc vào thu nhập của Ủy ban Nobel. Năm 2017, Quỹ Nobel quyết định tăng tiền thưởng cho các hạng mục giải Nobel thêm 1 triệu krona Thụy Điển (khoảng 120 nghìn USD) so với mùa giải đó trước, lên 9 triệu krona (khoảng 1,1 triệu USD). Đây là lần điều chỉnh giá trị tiền thưởng đầu tiên kể từ năm 2012 khi Quỹ Nobel quyết định giảm giá trị tiền thưởng 20% mỗi hạng mục, trong bối cảnh phải cân đối ngân sách trong dài hạn. Năm 2020, Hiệp hội Nobel đã quyết định tăng thêm 1 triệu krona (khoảng 110 nghìn USD) so với năm trước đó, đưa con số tiền thưởng của giải Nobel lên thành 10 triệu krona. Mới đây nhất, ngày 15/9/2023, Quỹ Nobel thông báo tiếp tục tăng 1 triệu krona. Như vậy, người vinh dự nhận giải Nobel năm nay sẽ được trao phần thưởng bằng tiền mặt có tổng trị giá 11 triệu krona (tương đương 986 nghìn USD).

Đến nay, dù vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau về cách xét giải, nhưng phần lớn những người được nhận giải thưởng Nobel đều là những người có cống hiến vĩ đại cho nhân loại. Cùng với giải, tấm lòng cao thượng và nhân đạo của người lập ra nó, Alfred Nobel, vẫn mãi được nhân loại ghi nhận.

(Theo <https://nhandan.vn/lich-su-giai-nobel-quy-trinh-va-gia-tri-giai-thuong-post775525.html>)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản?

Câu 2: Văn bản trên bao gồm những thông tin chính nào?

Câu 3: Nhận xét về cách đặt nhan đề của văn bản?

Câu 4: Nhận xét về quan điểm, thái độ của tác giả thể hiện trong văn bản?

Câu 5: Từ nội dung văn bản trên, anh/ chị có suy nghĩ gì về sự cần thiết phải có lòng cao thượng trong cuộc sống? (Trình bày khoảng 5 – 7 dòng)

II. PHẦN VIẾT (5,0 điểm)

Anh/chị hãy viết bài văn (khoảng 600 chữ) phân tích, đánh giá giá trị nội dung và những nét nghệ thuật đặc sắc của bài thơ *Những bông hoa trên cát* (Hoàng Vũ Thuật).

Những bông hoa trên cát

*Tháng tư bông xương rồng lấp lánh trong đêm
Cánh mỏng manh dưới tâm bom giặc
Cây xương rồng mọc trên cồn cát
Trong khô rang từng đợt gió tràn về*

*Đứng chen nhau như tháp dựng giữa trời
Màu xanh dịu bao cơn nắng khét
Nhớ năm nào rào làng đánh giặc
Bờ xương rồng bốn phía đạn găm*

*Không một chiếc lá mềm, không một tán che
Thân trơ trụi, đầy gai nhọn sắc
Em đừng hỏi nhiều về cây xương rồng khô khốc
Về bông hoa trên cát triệu năm rồi*

*Mấy ai yêu cây xương rồng khô khan
Bầy chim sớm mai bay không nở đỏ
Anh muốn ngắm những bông xương rồng
đêm qua vừa nở
Dưới bom rơi trong nóng bỏng gió Lào*

Nhưng bông hoa và cát trắng một màu...
23-4-1972

(Hoàng Vũ Thuật, *Những bông hoa trên cát*,
dẫn theo <https://www.thivien.net/>)

Chú thích: Nhà thơ Hoàng Vũ Thuật sinh năm 1945, quê ở Lệ Thủy (Quảng Bình). Đó là vùng quê nằm giữa những núi cát khổng lồ chạy ra sát biển và phá Hạc Hải. Từ năm 1970, thơ của Hoàng Vũ Thuật đã nổi tiếng ở khắp miền Trung. Năm 1979, Hoàng Vũ Thuật cho ra mắt tập thơ đầu tiên: “*Những bông hoa trên cát*” (Hội Văn học Nghệ thuật Bình Trị Thiên ấn hành). Từ đó đến nay ông không ngừng sáng tạo, làm mới mình, đã cho ra mắt bạn đọc hơn 10 tập thơ.

.....HẾT.....

ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	5,0
	1	Phương thức biểu đạt chính của văn bản: thuyết minh Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,75 điểm - HS trả lời sai hoặc không trả lời: Không cho điểm	0,75
	2	Văn bản trên có 3 thông tin chính: - Lịch sử của giải Nobel - Quy trình bầu chọn giải Nobel - Giá trị giải thưởng Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,75 điểm - Học sinh trả lời được 2 ý đáp án : 0,25 điểm - HS trả lời được 1 ý hoặc trả lời sai: Không cho điểm	0,75
	3	Nhận xét về cách đặt nhan đề: - Nhan đề: <i>Lịch sử giải Nobel: Quy trình và giá trị giải thưởng</i> - Nhan đề ngắn gọn, đã nêu lên được một cách khái quát nội dung của văn bản. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm - Học sinh trả lời được ý 1 đáp án : 0,25 điểm - HS trả lời được ý 2 đáp án: 0,75 điểm	1,0
	4	- Quan điểm, thái độ của tác giả thể hiện trong văn bản là: + Quan điểm: Chính xác, khách quan trong việc giới thiệu, cung cấp cho bạn đọc những thông tin về giải thưởng Nobel. + Thái độ: ngợi ca đối với việc làm cao cả của Alfred Nobel và những người có cống hiến vĩ đại cho nhân loại. - Đây là quan điểm, thái độ đúng đắn, phù hợp. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm - Học sinh trả lời được ý 1 như đáp án: 0,75 điểm - Học sinh trả lời được ý 2 như đáp án : 0,25 điểm - HS trả lời sai hoặc không trả lời: Không cho điểm	1,0
	5	HS trình bày nhiều ý kiến, suy nghĩ khác nhau. Một số gợi ý: Sự cần thiết phải có lòng cao thượng trong cuộc sống: - Cao thượng nghĩa là luôn đặt lợi ích của người khác cao hơn	1,5

		<p>lợi ích của bản thân mình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lòng cao thượng giúp con người có được sự yêu mến, kính trọng từ người khác. - Lòng cao thượng giúp cho người khác có động lực và sức mạnh để vượt qua khó khăn, thử thách. - Lòng cao thượng giúp cho xã hội trở nên tốt đẹp hơn. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p><i>HS đảm bảo hình thức đoạn văn và dung lượng 5-7 dòng: 0.25 điểm</i></p> <p><i>HS trình bày suy nghĩ một cách hợp lý, sâu sắc: 1.0 -1,25 điểm</i></p> <p><i>HS trình bày suy nghĩ còn sơ sài, chưa thuyết phục: 0.5 điểm</i></p> <p><i>HS không trình bày suy nghĩ: 0 điểm</i></p>	
II		VIẾT	
		<p>Anh/chị hãy viết bài văn (khoảng 600 chữ) phân tích, đánh giá giá trị nội dung và những nét nghệ thuật đặc sắc của bài thơ Những bông hoa trên cát (Hoàng Vũ Thuật).</p>	5,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài: Nghị luận văn học.</i>	0,5
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: giới thiệu những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật trong tác phẩm Những bông hoa trên cát (Hoàng Vũ Thuật).</i>	0,5
		<p><i>c. Viết bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> * Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận; trình bày rõ quan điểm và hệ thống ý; lập luận chặt chẽ, thuyết phục (lí lẽ xác đáng; biết phân tích các dẫn chứng trong văn bản để làm sáng tỏ cho lập luận). * Đề xuất được hệ thống ý phù hợp, sắp xếp các ý theo bố cục 3 phần của bài văn nghị luận: <p><i>Học sinh có thể triển khai vấn đề theo nhiều cách khác nhau, có thể đưa ra nhiều góc nhìn, nhiều cách giải quyết vấn đề không giống như đáp án tuy nhiên cần có sức thuyết phục, không vi phạm các chuẩn mực đạo đức và pháp luật, đảm bảo được các ý cơ bản sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu vấn đề nghị luận - Triển khai vấn đề nghị luận: <p>+ Đặc sắc về nội dung:</p> <p>++ Bài thơ “Những bông hoa trên cát” đã khắc hoạ hình ảnh những cây xương rồng mọc trên cồn cát: trong hoàn cảnh <i>cồn cát khô rang, nắng khét, dưới tầm bom giặc, đạn găm</i> nhưng xương rồng không chịu khuất phục trước thời tiết khắc nghiệt, chiến tranh tàn khốc mà nó có sức mạnh làm dịu đi những khó khăn, phát triển, sinh sôi, nảy nở tràn đầy sức sống, mạnh mẽ, đoàn kết vươn lên. Vẻ đẹp của xương rồng không phải vẻ đẹp của sắc màu hay hình vẻ bên ngoài mà là vẻ đẹp của sức sống, khả năng sinh tồn mãnh liệt bên trong, của sự can trường, bền bỉ đối diện và mạnh mẽ vượt qua mọi khó khăn trở ngại.</p> <p>++ Hình ảnh cây xương rồng biểu tượng cho những con người phải chịu đựng bao gian khó, đau thương, mất mát; nhưng vẫn mạnh mẽ, đoàn kết vươn lên, kiên cường, khí phách, không biết đến sự cúi đầu.</p>	3,0

	<p>++ Qua hình ảnh cây xương rồng, tác giả đã bộc lộ sự trân trọng, ngưỡng mộ trước những vẻ đẹp thực sự trong cuộc sống.</p> <p>+ Đặc sắc về nghệ thuật:</p> <p>++ Chủ thể trữ tình: xuất hiện trực tiếp qua đại từ nhân xưng “anh”</p> <p>++ Thể thơ tự do, tự nhiên, phóng khoáng</p> <p>++ Từ ngữ mộc mạc, giản dị, hình ảnh thơ giàu giá trị biểu tượng</p> <p>++ Biện pháp tu từ: Bài thơ sử dụng thành công nhiều biện pháp tu từ: phép liệt kê; so sánh, ẩn dụ,..</p> <p>++ Giọng điệu: chân thành, da diết.</p> <p>+ Đánh giá:</p> <p>Khẳng định giá trị tư tưởng và giá trị thẩm mỹ của bài thơ</p> <p>Bài thơ đã thể hiện tài năng thơ Hoàng Vũ Thuật.</p> <p>- Kết thúc vấn đề nghị luận: Khái quát lại vấn đề</p> <p><i>Hướng dẫn chấm:</i></p> <p>- Xác định đúng vấn đề nghị luận; triển khai rành mạch 02 luận điểm (trong đó luận điểm 2 triển khai được ít nhất 02 nét đặc sắc nghệ thuật) để làm sáng tỏ vấn đề; lập luận chặt chẽ, kết hợp lí lẽ và dẫn chứng tiêu biểu, đặc sắc từ văn bản; có mở rộng vấn đề: 2,75- 3.0 điểm.</p> <p>- Xác định đúng vấn đề nghị luận; triển khai được 02 luận điểm (trong đó luận điểm 2 triển khai được ít nhất 02 nét đặc sắc nghệ thuật) để làm sáng tỏ vấn đề; lập luận tương đối chặt chẽ, có dẫn chứng nhưng chưa thật tiêu biểu; có mở rộng vấn đề: 2 -2,5 điểm.</p> <p>- Xác định đúng vấn đề nghị luận triển khai được 02 luận điểm (trong đó luận điểm 2 triển khai được ít nhất 02 nét đặc sắc nghệ thuật) để làm sáng tỏ vấn đề, lập luận chưa chặt chẽ, có dẫn chứng nhưng chưa tiêu biểu; chưa có mở rộng vấn đề: 1.25-1,75 điểm.</p> <p>- Xác định vấn đề nghị luận chưa rõ, bài làm sơ sài, lí lẽ và dẫn chứng thiếu thuyết phục, chưa có mở rộng vấn đề: 0,25- 1 điểm</p> <p>- Không làm bài hoặc lạc đề hoàn toàn: 0,0 điểm</p>	
	<p>d. Diễn đạt</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu và liên kết văn bản.</p> <p><i>Không cho điểm với những bài viết sai nhiều lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp, liên kết</i></p>	0,5
	<p>e. Sáng tạo</p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p> <p><i>Học sinh đạt được một trong hai yêu cầu trên: 0,25 điểm</i></p>	0, 5
Tổng điểm		10,0

ĐỀ 4**ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I****NĂM HỌC 2025-2026****MÔN: NGỮ VĂN 10****I. PHẦN ĐỌC HIỂU (5,0 điểm)****Đọc văn bản sau và thực hiện yêu cầu:****ĐỒN CA TÀI TỬ NAM BỘ**

Đờn ca tài tử Nam bộ là di sản văn hoá thứ 8 của Việt Nam được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Đờn ca tài tử Nam Bộ là loại hình nghệ thuật vừa mang tính bác học vừa có chất dân gian gắn liền với mọi sinh hoạt của cư dân Nam Bộ, được cải biên từ nhạc cung đình Huế và sáng tác mới trên nền tảng âm nhạc dân ca, hát đối, hò vè của vùng đất Nam Bộ. Đờn ca tài tử có vùng ảnh hưởng rộng lớn, lên đến 21 tỉnh thành của miền Nam.

Lịch sử hình thành

Sau biến cố Kinh đô Huế thất thủ năm 1885 của triều đình Hàm Nghi, ông Nguyễn Quang Đại cùng nhiều quan lại, dân lính triều đình chạy về phương Nam lánh nạn. Với vốn ca nhạc Huế sẵn có, ông đã cải biên một số bài bản trở thành đặc trưng âm nhạc Nam Bộ và tạo nên phong trào Đờn ca tài tử Nam Bộ ở miền Đông do ông đứng đầu. Nhóm miền Tây (Vĩnh Long, Sa Đéc, Mỹ Tho) do ông Trần Quang Quờn đứng đầu, nhóm Bạc Liêu, Rạch Giá do ông Lê Tài Khị (1862 – 1924) quê ở Bạc Liêu đứng đầu và ông được tôn là hậu tổ nhạc Khị. (...)

Quá trình phát triển Đờn ca tài tử

Đờn ca tài tử ra đời trong giai đoạn thực dân Pháp xâm lược nước ta và trở thành nguồn động viên tinh thần cho nhân dân trong cuộc chiến chống ngoại xâm, đồng thời kiên cường chống chọi với những trào lưu nghệ thuật, âm nhạc mới du nhập từ phương Tây. Từ sau khi sân khấu cải lương “lên ngôi” cho tới nay, Đờn ca tài tử vẫn tiếp tục con đường của mình: thích ứng với thời đại, sẵn sàng tiếp nhận cái mới để phát triển, nhưng kiên cường gìn giữ bản sắc cổ hữu của mình. Nó tồn tại song song dưới cả hai hình thức: sinh hoạt thính phòng như thuở xưa và những hình thức trình diễn mới như trên sân khấu, trước đông đảo công chúng hoặc tách biệt hẳn với công chúng qua phương thức thu, phát trên các phương tiện truyền thông mới du nhập và các đĩa hát... Đờn ca tài tử không những không bị hình thức hát mới thay thế hay làm lụi tàn mà còn tiếp tục là chỗ dựa vững chắc và là nguồn hỗ trợ đắc lực cho sự phát triển của sân khấu cải lương sau này.

Đặc điểm cơ bản của Đờn ca tài tử

Các bài bản của Đờn ca tài tử được sáng tạo dựa trên cơ sở nhạc Lễ, nhạc Cung đình, nhạc dân gian miền Trung và Nam. Các bài bản này được cải biên liên tục từ 72 bài nhạc cổ và đặc biệt là từ 20 bài gốc cho 4 điệu, gồm: 6 bài Bắc (diễn tả sự vui tươi, phóng khoáng), 7 bài Hạ (dùng trong tế lễ, có tính trang nghiêm), 3 bài Nam (diễn tả sự an nhàn, thanh thoát) và 4 bài Oán (diễn tả cảnh đau buồn, chia li).

Nhạc cụ được sử dụng trong đờn ca tài tử khá phong phú. Bao gồm: đàn kìm, đàn tranh, đàn cò, đàn tỳ bà, đàn tam (hoặc đàn sến, đàn độc huyền), sáo, tiêu, song loan, ... Từ khoảng năm 1930 thì có thêm đàn ghita phím lõm, violin, ghita Hawaii (đàn hạ uy cầm).

Người thực hành Đờn ca tài tử gồm người dạy đàn (thầy Đờn) có kỹ thuật đàn giỏi, thông thạo những bài bản cổ, dạy cách chơi các nhạc cụ; người đặt lời (thầy Tuồng) nắm giữ tri thức và kinh nghiệm, sáng tạo những bài bản mới, người dạy ca (thầy Ca) thông thạo những bài bản cổ, có kỹ thuật ca điệu luyện, dạy cách ca ngâm, ngân, luyến...; người Đờn (Danh cầm) là người chơi nhạc cụ và người ca là người thể hiện các bài bản bằng lời.

Để tạo nên những bản đờn ca hay, cuốn hút lòng người cần có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa cả đờn và ca. Tiếng đờn cất lên, tiếng ca vang vọng khắp sông nước như nói hộ tiếng lòng của người dân. Ở đó có niềm vui, có nỗi buồn, có hạnh phúc và cả sự chia ly.

(Theo <https://imagertravel.vn/nhung-dieu-it-biet-ve-don-ca-tai-tu-nam-bo>)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản?

Câu 2: Văn bản trên bao gồm những thông tin chính nào?

Câu 3: Nhận xét về cách đặt nhan đề của văn bản?

Câu 4: Nhận xét về quan điểm, thái độ của tác giả thể hiện trong văn bản?

Câu 5: Từ nội dung văn bản trên, anh/ chị có suy nghĩ gì về vai trò của âm nhạc đối với cuộc sống con người? (Trình bày khoảng 5 – 7 dòng)

II. PHẦN VIẾT (5,0 điểm)

Anh/chị hãy viết bài văn (khoảng 600 chữ) phân tích, đánh giá giá trị nội dung và những nét nghệ thuật đặc sắc của bài thơ *Những bông hoa trên cát* (Hoàng Vũ Thuật).

Những bông hoa trên cát

Tháng tư bông xương rồng lấp lánh trong đêm
Cánh mỏng manh dưới tầm bom giặc
Cây xương rồng mọc trên cồn cát
Trong khô rang từng đợt gió tràn về

Đứng chen nhau như tháp dựng giữa trời
Màu xanh dịu bao cơn nắng khét
Nhớ năm nào rào làng đánh giặc
Bờ xương rồng bốn phía đạn găm

Không một chiếc lá mềm, không một tán che
Thân trơ trụi, đầy gai nhọn sắc
Em đừng hỏi nhiều về cây xương rồng khô khốc
Về bông hoa trên cát triệu năm rồi

Mấy ai yêu cây xương rồng khô khan
Bầy chim sớm mai bay không nở đỏ
Anh muốn ngắm những bông xương rồng
đêm qua vừa nở
Dưới bom rơi trong nóng bỏng gió Lào

Nhưng bông hoa và cát trắng một màu...
23-4-1972

(Hoàng Vũ Thuật, *Những bông hoa trên cát*,
dẫn theo <https://www.thivien.net/>)

Chú thích: Nhà thơ Hoàng Vũ Thuật sinh năm 1945, quê ở Lệ Thủy (Quảng Bình). Đó là vùng quê nằm giữa những núi cát khổng lồ chạy ra sát biển và phá Hạc Hải. Từ năm 1970, thơ của Hoàng Vũ Thuật đã nổi tiếng ở khắp miền Trung. Năm 1979, Hoàng Vũ Thuật cho ra mắt tập thơ đầu tiên: “*Những bông hoa trên cát*” (Hội Văn học Nghệ thuật Bình Trị Thiên ấn hành). Từ đó đến nay ông không ngừng sáng tạo, làm mới mình, đã cho ra mắt bạn đọc hơn 10 tập thơ.

.....HẾT.....

ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	5,0
	1	Phương thức biểu đạt chính của văn bản: thuyết minh Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,75 điểm - HS trả lời sai hoặc không trả lời: Không cho điểm	0,75
	2	Văn bản trên bao gồm 3 thông tin chính: - Lịch sử hình thành - Quá trình phát triển Đờn ca tài tử - Đặc điểm của Đờn ca tài tử Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,75 điểm - Học sinh trả lời được 2 ý đáp án : 0,25 điểm - HS trả lời được 1 ý hoặc trả lời sai: Không cho điểm	0,75
	3	Nhận xét về cách đặt nhan đề: - Nhan đề: Đờn ca tài tử Nam Bộ - Nhan đề ngắn gọn, đã nêu lên được một cách khái quát nội dung của văn bản. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm - Học sinh trả lời được ý 1 đáp án : 0,25 điểm - HS trả lời được ý 2 đáp án: 0,75 điểm	1,0
	4	- Quan điểm, thái độ của tác giả thể hiện trong văn bản là: + Quan điểm: Chính xác, khách quan trong việc giới thiệu, cung cấp cho bạn đọc những thông tin về Đờn ca tài tử Nam Bộ. + Thái độ: trân trọng, ngợi ca di sản văn hoá của Việt Nam; khẳng định vai trò, giá trị của loại hình nghệ thuật đờn ca tài tử đối với cuộc sống tinh thần của người dân Nam Bộ. - Đây là quan điểm, thái độ đúng đắn, phù hợp. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm - Học sinh trả lời được ý 1 như đáp án: 0,75 điểm - Học sinh trả lời được ý 2 như đáp án : 0,25 điểm - HS trả lời sai hoặc không trả lời: Không cho điểm	1,0
	5	HS trình bày nhiều ý kiến, suy nghĩ khác nhau. Một số gợi ý: vai trò của âm nhạc đối với cuộc sống con người: - Âm nhạc là nơi con người gửi gắm những tâm sự của mình - Âm nhạc giúp cho con người được thư giãn, thoải mái. - Âm nhạc làm cho đời sống tinh thần của con người trở nên phong phú, giàu có hơn. Hướng dẫn chấm: HS đảm bảo hình thức đoạn văn và dung lượng 5-7 dòng: 0.25 điểm HS trình bày suy nghĩ một cách hợp lý, sâu sắc: 1.0 -1,25 điểm	1,5

		<i>HS trình bày suy nghĩ còn sơ sài, chưa thuyết phục: 0.5 điểm</i> <i>HS không trình bày suy nghĩ: 0 điểm</i>	
II		VIẾT	
		Anh/chị hãy viết bài văn (khoảng 600 chữ) phân tích, đánh giá giá trị nội dung và những nét nghệ thuật đặc sắc của bài thơ <i>Những bông hoa trên cát</i> (Hoàng Vũ Thuật).	5,0
		a. <i>Xác định được yêu cầu của kiểu bài:</i> Nghị luận văn học.	0, 5
		b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> giới thiệu những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật trong tác phẩm <i>Những bông hoa trên cát</i> (Hoàng Vũ Thuật).	0,5
		c. <i>Viết bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu sau:</i> * Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận; trình bày rõ quan điểm và hệ thống ý; lập luận chặt chẽ, thuyết phục (lí lẽ xác đáng; biết phân tích các dẫn chứng trong văn bản để làm sáng tỏ cho lập luận). * Đề xuất được hệ thống ý phù hợp, sắp xếp các ý theo bố cục 3 phần của bài văn nghị luận: <i>Học sinh có thể triển khai vấn đề theo nhiều cách khác nhau, có thể đưa ra nhiều góc nhìn, nhiều cách giải quyết vấn đề không giống như đáp án tuy nhiên cần có sức thuyết phục, không vi phạm các chuẩn mực đạo đức và pháp luật, đảm bảo được các ý cơ bản sau:</i> - Giới thiệu vấn đề nghị luận - Triển khai vấn đề nghị luận: + Đặc sắc về nội dung: ++ Bài thơ “Những bông hoa trên cát” đã khắc hoạ hình ảnh những cây xương rồng mọc trên cồn cát: trong hoàn cảnh <i>cồn cát khô rang, nắng khét, dưới tầm bom giặc, đạn găm</i> nhưng xương rồng không chịu khuất phục trước thời tiết khắc nghiệt, chiến tranh tàn khốc mà nó có sức mạnh làm dịu đi những khó khăn, phát triển, sinh sôi, nảy nở tràn đầy sức sống, mạnh mẽ, đoàn kết vươn lên. Vẻ đẹp của xương rồng không phải vẻ đẹp của sắc màu hay hình vẻ bên ngoài mà là vẻ đẹp của sức sống, khả năng sinh tồn mãnh liệt bên trong, của sự can trường, bền bỉ đối diện và mạnh mẽ vượt qua mọi khó khăn trở ngại. ++ Hình ảnh cây xương rồng biểu tượng cho những con người phải chịu đựng bao gian khó, đau thương, mất mát; nhưng vẫn mạnh mẽ, đoàn kết vươn lên, kiên cường, khí phách, không biết đến sự cúi đầu. ++ Qua hình ảnh cây xương rồng, tác giả đã bộc lộ sự trân trọng, ngưỡng mộ trước những vẻ đẹp thực sự trong cuộc sống. + Đặc sắc về nghệ thuật: ++ Chủ thể trữ tình: xuất hiện trực tiếp qua đại từ nhân xưng “anh” ++ Thể thơ tự do, tự nhiên, phóng khoáng ++ Từ ngữ mộc mạc, giản dị, hình ảnh thơ giàu giá trị biểu tượng ++ Biện pháp tu từ: Bài thơ sử dụng thành công nhiều biện pháp tu từ: phép liệt kê; so sánh, ẩn dụ,..	3,0

	<p>++ Giọng điệu: chân thành, da diết.</p> <p>+ <i>Đánh giá:</i></p> <p>Khẳng định giá trị tư tưởng và giá trị thẩm mỹ của bài thơ</p> <p>Bài thơ đã thể hiện tài năng thơ Hoàng Vũ Thuật.</p> <p>- Kết thúc vấn đề nghị luận: Khái quát lại vấn đề</p> <p><i>Hướng dẫn chấm:</i></p> <p>- Xác định đúng vấn đề nghị luận; triển khai rành mạch 02 luận điểm (trong đó luận điểm 2 triển khai được ít nhất 02 nét đặc sắc nghệ thuật) để làm sáng tỏ vấn đề; lập luận chặt chẽ, kết hợp lí lẽ và dẫn chứng tiêu biểu, đặc sắc từ văn bản; có mở rộng vấn đề: 2,75- 3.0 điểm.</p> <p>- Xác định đúng vấn đề nghị luận; triển khai được 02 luận điểm (trong đó luận điểm 2 triển khai được ít nhất 02 nét đặc sắc nghệ thuật) để làm sáng tỏ vấn đề; lập luận tương đối chặt chẽ, có dẫn chứng nhưng chưa thật tiêu biểu; có mở rộng vấn đề: 2 -2,5 điểm.</p> <p>- Xác định đúng vấn đề nghị luận triển khai được 02 luận điểm (trong đó luận điểm 2 triển khai được ít nhất 02 nét đặc sắc nghệ thuật) để làm sáng tỏ vấn đề, lập luận chưa chặt chẽ, có dẫn chứng nhưng chưa tiêu biểu; chưa có mở rộng vấn đề: 1.25-1,75 điểm.</p> <p>- Xác định vấn đề nghị luận chưa rõ, bài làm sơ sài, lí lẽ và dẫn chứng thiếu thuyết phục, chưa có mở rộng vấn đề: 0,25- 1 điểm</p> <p>- Không làm bài hoặc lạc đề hoàn toàn: 0,0 điểm</p>	
	<p>d. Diễn đạt</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu và liên kết văn bản.</p> <p><i>Không cho điểm với những bài viết sai nhiều lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp, liên kết</i></p>	0,5
	<p>e. Sáng tạo</p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p> <p><i>Học sinh đạt được một trong hai yêu cầu trên: 0,25 điểm</i></p>	0, 5
Tổng điểm		10,0

ĐỀ 5**ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I****NĂM HỌC 2025-2026****MÔN: NGỮ VĂN 10****ĐỀ KIỂM TRA****I. PHẦN ĐỌC HIỂU (5.0 điểm) Đọc văn bản sau:*****NỖI BUỒN LÀNG CHIẾU***

(Trích)

(Tiêu Dao – Bảo Anh)

Từng suy rồi thịnh, từng có cả trăm hộ làm nghề nhưng bây giờ khung dệt bụi phủ, tay người chênh chao. Nỗi niềm của làng chiếu chẳng mấy người thấu tỏ khi chỉ duy nhất một bà lão còn dệt chiếu, nhưng cũng đầy chông chênh.

1. Gió buồn lay đồng cối

Làng Cẩm Nê (xã Hòa Tiến, Hoa Vang, Đà Nẵng) giờ đã khác khi đời sống người dân khấm khá hơn rất nhiều, bao quanh vẫn là đồng lúa đang chín vàng và chon von những ngôi nhà 2-3 tầng rợp bóng cây xanh. Làng từng nổi tiếng với nghề dệt chiếu, có những chiếc chiếu đặc biệt dệt để tiến vua. Người làng trong câu chuyện mỗi tối, vẫn cứ nhớ về cha ông mình với câu chuyện về một chiếc chiếu hoa được tiến kinh ngày trước. Chiếu rộng 2,5 mét và dài tới 25 mét, được những người dệt chiếu lão luyện làm trong gần một tháng. Nhờ chiếc chiếu ấy, người làng đã được ban thưởng trọng hậu và sau kỳ tích đó, tiếng tăm chiếu Cẩm Nê đã bay đi khắp nước.

[...] Nhưng làng chiếu bây giờ dường như chỉ còn cái tên, bởi chẳng còn những lách cách thoi đưa, những sợi cối rục rờ trong nắng, những bãi đay bãi lác rì rào trong gió, tất cả chỉ là một thời quá vãng. Những con lóc của thị trường đã cuốn làng chiếu lao đao. Nào là những sản phẩm dệt, rồi chiếu nhựa, chiếu công nghiệp, thậm chí các loại vải giả rẻ đã đánh sập cái nghề truyền thống mấy trăm năm của làng.



Hình: Bà Thông vẫn dệt chiếu, nhưng họa hoằn, khi có khách du lịch đến làng tham quan, khi có đặt hàng hoặc vào độ tết.

2. Người còn nhớ tiếng thoi đưa

Tôi đi khắp làng, ngang qua những xóm Đùng, xóm Đồng Khánh, xóm Bến Đò, xóm Bến Bắc, xóm Dinh, xóm Làng... chẳng còn vang tiếng loạch xoạch của người làm chiếu nữa. Nhiều người già trong làng cũng đau đầu với cái nghề của cha ông. Nhưng, đành chịu. Cuộc sống của những người làm chiếu rơi vào khó khăn, người làng lần lượt bỏ nghề, những khung dệt dần đóng bụi. “Cách đây 5-7 năm, sau nhiều năm cất giữ với ước mong hồi sinh làng nghề, nhiều nhà đành phá khung dệt vì chật nhà. Người làng cái tay không còn quen đưa thoi, bàn chân không còn quen dậm, con mắt không còn quen nhìn màu nhuộm nữa. Đau lòng lắm!”, bà Ngô Thị Mua (66 tuổi, trú thôn Cẩm Nê), người phụ làm chiếu với bà Thông bực bạch.

Còn bà Thông gắn bó với nghề hơn 50 năm, trải qua biết bao những thăng trầm cùng khung dệt, bà Thông vẫn không rời xa. Ngày trước cả làng có khoảng 200 hộ nhưng hộ nào cũng dệt chiếu mưu sinh. Khung cảnh làng quê nhộn nhịp lắm. Còn bây giờ, gần 700 hộ dân mà chỉ còn mình bà Thông bám trụ. Nguyên vọng duy nhất của bà là giữ nghề cho đến khi nằm xuống. Không làm thường xuyên nữa nhưng cần thì vẫn dệt chiếu để giữ lấy thương hiệu làng nghề. Dù vậy, tuổi đã cao, thỉnh thoảng bà Thông mới ngồi vào khung dệt. Chiếc khung dệt hầu hết nằm lặng lẽ ở góc sân, mà nhớ bàn tay đưa thoi.

(Trích Nỗi buồn làng chiếu, <https://antg.cand.com.vn/Phong-su/noi-buon-lang-chieu>, 06/06/2024)

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1 (0.75) Văn bản đề cập đến sự việc gì liên quan đến nghề làm chiếu ở làng Cẩm Nê?

Câu 2 (0.75) Chỉ ra phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản trên.

Câu 3 (1.0) Phân tích tác dụng của yếu tố biểu cảm được sử dụng trong câu: *Nhưng làng chiếu bây giờ dường như chỉ còn cái tên, bởi chẳng còn những lách cách thoi đưa, những sợi cói rục rờ trong nắng, những bãi đay bãi lác rì rào trong gió, tất cả chỉ là một thời quá vãng.*

Câu 4 (1.0) Nhận xét về thái độ quan điểm của người viết được thể hiện trong văn bản.

Câu 5 (1.5) Sau khi đọc văn bản, anh/chị hãy trình bày suy nghĩ về vai trò của những làng nghề truyền thống trong thời đại hiện nay. Trình bày trong 1 đoạn văn khoảng 5 - 7 dòng.

II. VIẾT (5,0 điểm)

Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) phân tích, đánh giá chủ đề và đặc sắc nghệ thuật của văn bản sau:

HOA CỎ MAY

*Cát vắng, sông đầy, cây ngẩn ngơ,
Không gian xao xuyến chuyển sang mùa.
Tên mình ai gọi sau vòm lá,
Lối cũ em về nay đã thu.*

*Mây trắng bay đi cùng với gió,
Lòng như trời biếc lúc nguyên sơ.
Đắng cay gửi lại bao mùa cũ,
Thơ viết đôi dòng theo gió xa.*

*Khắp nẻo dâng đầy hoa cỏ may
Áo em sơ ý cỏ găm đầy
Lời yêu mỏng mảnh như màu khói,
Ai biết lòng anh có đổi thay?*

(Trích *Thơ Xuân Quỳnh*, Kiều Văn chủ biên, NXB Đồng Nai, 1997)

ĐÁP ÁN ĐỀ THI CUỐI KÌ I LỚP 10

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
		ĐỌC HIỂU	5.0
	1	Sự việc nghề làm chiếu ở làng Cẩm Nê đang dần bị mai một, thất truyền.	0.75

	<p><i>Hs nêu đúng sự việc được 0.75 điểm</i></p> <p><i>HS nêu đúng sự việc nhưng diễn đạt chưa rõ được 0.5 điểm</i></p> <p><i>HS không tìm được hoặc tìm không đúng sự việc 0 điểm</i></p>	
2	<p>Phương tiện phi ngôn ngữ: hình ảnh với chú thích “Bà Thông vẫn dệt chiếu, nhưng họa hoàn, khi có khách du lịch đến làng tham quan, khi có đặt hàng hoặc vào độ tết.”</p> <p><i>HS tìm đúng biện pháp tu từ, chỉ ngữ liệu chưa bptt được 0.75 đ</i></p> <p><i>HS tìm đúng biện pháp tu từ, không chỉ ngữ liệu được 0.5 đ</i></p> <p><i>HS tìm đúng biện pháp tu từ, chỉ sai ngữ liệu 0.25 điểm</i></p> <p><i>HS không tìm đúng biện pháp tu từ 0 điểm</i></p>	0.75
3	<p><i>Nhưng làng chiếu bây giờ dường như chỉ còn cái tên, bởi chẳng còn những lách cách thoi đưa, những sợi cỏi rục rờ trong nắng, những bãi đay bãi lác rì rào trong gió, tất cả chỉ là một thời quá vãng</i></p> <p>- Tác dụng của yếu tố biểu cảm:</p> <p>+ diễn tả khung cảnh buồn bã của làng Cẩm Nê khi nghề làm chiếu bị thất truyền; bộc lộ tâm trạng tiếc nuối của tác giả trước thực trạng đó</p> <p>+ giúp việc truyền tải thông tin thêm sinh động hiệu quả hơn, gây ấn tượng mạnh đối với người đọc.</p> <p><i>HS chỉ ra được tác dụng của yếu tố biểu cảm về phương diện nội dung và hình thức được 1.0 đ</i></p> <p><i>HS chỉ ra được tác dụng của yếu tố biểu cảm về nội dung và nghệ thuật song diễn đạt chưa bắt vấn đề được 0.5 – 0,75 đ</i></p> <p><i>HS không chỉ ra tác dụng về nội dung hoặc nghệ thuật song chưa đầy đủ được 0.25 đ</i></p> <p><i>HS không chỉ ra tác dụng của yếu tố biểu cảm hoặc chỉ không đúng 0 đ</i></p>	1.0
4	<p>- Thái độ, quan điểm của của người viết</p> <p>+ tác giả thể hiện sự chia sẻ với người dân làng chiếu, đồng cảm với nỗi niềm của nghệ nhân; tiếc nuối một làng nghề có truyền thống mấy trăm năm đang có nguy cơ bị xoá bỏ</p> <p>+ trấn trở trước nguy cơ làng chiếu biến mất; tha thiết lên tiếng kêu gọi tìm giải pháp tháo gỡ tình trạng này để cứu giữ làng nghề Cẩm Nê.</p> <p>- Nhận xét: tình cảm chân thành, sâu sắc</p> <p><i>HS chỉ ra được tình cảm và nhận xét về tình cảm đó được 1.0 đ (tình cảm: 0.75; nhận xét: 0.25)</i></p> <p><i>HS chỉ ra được tình cảm diễn đạt chưa rõ ràng được 0.5</i></p> <p><i>HS chỉ ra tình cảm song còn sơ sài thiếu nhiều biểu hiện được 0.25</i></p> <p><i>HS không chỉ ra tình cảm hoặc chỉ sai, không nhận xét 0 điểm</i></p>	1.0
5	<p>- Trình bày suy nghĩ về vai trò của làng nghề truyền thống trong thời đại</p>	1.5

		<p>hiện nay.</p> <p>HS trình bày nhiều ý kiến, suy nghĩ khác nhau. Một số gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Làng nghề có vai trò quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế nông thôn, tạo việc làm và nâng cao đời sống của người dân. + Bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc ... <p><i>HS đảm bảo hình thức đoạn văn và dung lượng 5-7 dòng: 0.25 điểm</i></p> <p><i>HS trình bày suy nghĩ một cách hợp lý, sâu sắc: 1.0 -1,25 điểm</i></p> <p><i>HS trình bày suy nghĩ còn sơ sài, chưa thuyết phục: 0.5 điểm</i></p> <p><i>HS không trình bày suy nghĩ: 0 điểm</i></p>	
II		VIẾT	5.0
		Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) phân tích, đánh giá chủ đề và đặc sắc nghệ thuật của văn bản <i>Hoa cỏ may</i> – Xuân Quỳnh	
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài: Nghị luận văn học	0.5
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: phân tích, đánh giá chủ đề và đặc sắc nghệ thuật của văn bản <i>Hoa cỏ may</i>	0.5
		<p>c. Viết bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận; trình bày rõ quan điểm và hệ thống ý; lập luận chặt chẽ, thuyết phục (lí lẽ xác đáng; biết phân tích các dẫn chứng trong văn bản để làm sáng tỏ cho lập luận). * Đề xuất được hệ thống ý phù hợp, sắp xếp các ý theo bố cục 3 phần của bài văn nghị luận: <p><i>Học sinh có thể triển khai vấn đề theo nhiều cách khác nhau, có thể đưa ra nhiều góc nhìn, nhiều cách giải quyết vấn đề không giống như đáp án tuy nhiên cần có sức thuyết phục, không vi phạm các chuẩn mực đạo đức và pháp luật, đảm bảo được các ý cơ bản sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu vấn đề nghị luận: đánh giá đặc sắc chủ đề và nghệ thuật của bài thơ <i>Hoa cỏ may</i>. - Triển khai vấn đề nghị luận: <ul style="list-style-type: none"> + Xác định, phân tích, đánh giá chủ đề: ++ Thiên nhiên trong lúc giao mùa là cái nền, là duyên cớ để nhân vật trữ tình bộc lộ nỗi lòng trước cái bao la rộng lớn của thiên nhiên, gợi suy ngẫm về cái mỏng manh dễ vỡ của tình yêu. Qua đó, bạn đọc còn thấy được vẻ đẹp của tình yêu trong trẻo, chân thành, khát khao hạnh phúc của con người khi yêu. ++ Chủ đề mang tính phổ quát, gần gũi với mọi người, đặc biệt là những ai 	3.0

	<p>từng trải qua yêu thương và mất mát. Thể hiện được vẻ đẹp tâm hồn nhạy cảm của nhân vật trữ tình, đồng thời gợi suy ngẫm về tình yêu, về việc trân trọng những gì đã qua.</p> <p>+ Phân tích một số nét đặc sắc nghệ thuật, đánh giá tác dụng, hiệu quả của những đặc sắc đó trong việc thể hiện chủ đề, tư tưởng của bài thơ như:</p> <p>++ Chủ thể trữ tình em vừa xuất hiện trực tiếp bộc lộ cảm xúc, vừa ẩn mình trong những hình ảnh thiên nhiên. Cảm xúc được truyền tải qua sự giao hòa giữa con người và cảnh vật, làm nổi bật mối liên kết giữa tâm trạng và không gian.</p> <p>++ Hình ảnh trung tâm lấy cảm hứng từ thiên nhiên: “hoa cỏ may”</p> <p>++ Cách gieo vần, ngắt nhịp: Gieo vần linh hoạt, nhịp thơ nhẹ nhàng, tạo nên âm điệu dịu dàng, phù hợp với nội dung trữ tình; Nhịp thơ khi chậm rãi, khi dồn dập, phản ánh tâm trạng biến đổi của nhân vật trữ tình.</p> <p>+ + Các biện pháp tu từ: ẩn dụ, câu hỏi tu từ, ...</p> <p>+ Mở rộng vấn đề: So sánh với các tác phẩm khác cùng chủ đề hoặc liên hệ với đời sống xã hội hiện tại để rút ra những suy ngẫm về tư tưởng, thông điệp của văn bản.</p> <p>- Kết thúc vấn đề nghị luận: Khái quát lại vấn đề</p> <p><i>Hướng dẫn chấm:</i></p> <p>- Xác định đúng vấn đề nghị luận; triển khai rành mạch 02 luận điểm (trong đó luận điểm 2 triển khai được ít nhất 02 nét đặc sắc nghệ thuật) để làm sáng tỏ vấn đề; lập luận chặt chẽ, kết hợp lí lẽ và dẫn chứng tiêu biểu, đặc sắc từ văn bản; có mở rộng vấn đề: 2,75- 3.0 điểm.</p> <p>- Xác định đúng vấn đề nghị luận; triển khai được 02 luận điểm (trong đó luận điểm 2 triển khai được ít nhất 02 nét đặc sắc nghệ thuật) để làm sáng tỏ vấn đề; lập luận tương đối chặt chẽ, có dẫn chứng nhưng chưa thật tiêu biểu; có mở rộng vấn đề: 2 -2,5 điểm.</p> <p>- Xác định đúng vấn đề nghị luận triển khai được 02 luận điểm (trong đó luận điểm 2 triển khai được ít nhất 02 nét đặc sắc nghệ thuật) để làm sáng tỏ vấn đề, lập luận chưa chặt chẽ, có dẫn chứng nhưng chưa tiêu biểu; chưa có mở rộng vấn đề: 1.25-1,75 điểm.</p> <p>- Xác định vấn đề nghị luận chưa rõ, bài làm sơ sài, lí lẽ và dẫn chứng thiếu thuyết phục, chưa có mở rộng vấn đề: 0,25- 1 điểm</p> <p>- Không làm bài hoặc lạc đề hoàn toàn: 0,0 điểm</p>	
	<p>d. Diễn đạt</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu và liên kết văn bản.</p> <p><i>Không cho điểm với những bài viết sai nhiều lỗi chính tả, dùng từ, ngữ</i></p>	0.5

		<i>pháp, liên kết</i>	
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. <i>Học sinh đạt được một trong hai yêu cầu trên: 0,25 điểm</i>	0.5

ĐỀ 6	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026 MÔN: NGỮ VĂN 10
-------------	--

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc bài thơ sau:

Xuân Về

-Nguyễn Bính-

*Đã thấy xuân về với gió đông,
 Với trên màu má gái chưa chồng.
 Bên hiên hàng xóm, cô hàng xóm
 Ngược mắt nhìn giời, đôi mắt trong.*

*Từng đàn con trẻ chạy xun xoe,
 Mưa tạnh giời quang, nắng mới hoe
 Lá nõn, ngành non ai trắng bạc?
 Gió về từng trận, gió bay đi...*

*Thong thả, dân gian nghỉ việc đồng,
 Lúa thì con gái mượt như nhung
 Đây vườn hoa bưởi hoa cam rụng,
 Ngào ngạt hương bay, bướm vẽ vòng.*

*Trên đường cát mịn, một đôi cô,
 Yếm đỏ, khăn thâm, trẩy hội chùa.
 Gậy trúc dắt bà già tóc bạc,*

(Trích *Thi nhân Việt Nam*, Hoài Thanh- Hoài Chân, NXB Văn học, tái bản 2022)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1 (0,5 điểm). Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

Câu 2 (0,5 điểm). Chỉ ra những từ láy có trong bài thơ.

Câu 3 (0,5 điểm). Ở khổ thơ thứ nhất, nhà thơ đã cảm nhận mùa xuân về qua những chi tiết nào?

Câu 4 (1,0 điểm). Chỉ ra tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu thơ:

Lúa thì con gái mượt như nhung

Câu 5 (1,0 điểm). Nét đẹp văn hóa làng quê Việt Nam được thể hiện như thế nào qua đoạn thơ:

Trên đường cát mịn, một đôi cô,

Yếm đỏ, khăn thâm, thấy hội chùa.

Gậy trúc dắt bà già tóc bạc,

Tay lần tràng hạt miệng nam vô.

Câu 6 (1,0 điểm). Qua cách quan sát, cảm nhận thiên nhiên và con người, em hãy nhận xét về đẹp tâm hồn và tình cảm của nhân vật trữ tình được gửi gắm qua bài thơ.

Câu 7 (1,0 điểm). Trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của việc giữ gìn nét đẹp truyền thống của làng quê trong những ngày xuân sau khi đọc bài thơ.

Câu 8 (0,5 điểm). Sau khi đọc bài thơ em rút ra được thông điệp gì?

II. VIẾT (4,0 điểm)

Hiện nay có rất nhiều bạn học sinh thường xuyên đi học muộn gây ảnh hưởng đến kết quả học tập. Em hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) thuyết phục các bạn ấy từ bỏ **thói quen đi học muộn**.

----- Hết -----

Thí sinh không sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ và tên học sinh.....lớp.....

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	NỘI DUNG	ĐIỂM
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	Bài thơ được viết theo: Thể thơ bảy chữ Hướng dẫn chấm: - HS trả lời đúng như đáp án: 0,5 điểm - HS trả lời không đúng như đáp án: không cho điểm	0,5
	2	Những từ láy có trong bài thơ trên là: <i>Xun xoe, ngọt ngào, thông thả, lẩn lẩn</i> Hướng dẫn chấm: - HS trả lời như đáp án: 0,5 điểm - HS trả lời được một nửa đáp án: 0,25 điểm HS trả lời không đúng: không cho điểm	0,5
	3	Ở khổ thơ thứ nhất nhà thơ đã cảm nhận mùa xuân về qua những chi tiết: <i>gió đông, màu má gái chưa chồng</i> Hướng dẫn chấm: - HS trả lời như đáp án: 0,5 điểm - HS trả lời được một nửa đáp án: 0,25 điểm - HS trả lời không đúng: không cho điểm	0,5
	4	Tác dụng : So sánh vẻ đẹp của lúa đang trở đồng (<i>lúa thì con gái</i>) mượt như nhung : - Thể hiện vẻ mượt mà, mềm mại non tơ, mơn mớn, xanh tốt của cây lúa. - Tăng tính gợi hình và biểu cảm cho câu thơ. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời thiếu ý : 0,5-0,75 điểm. - Học sinh trả lời sơ sài, chưa lí giải thuyết phục; 0,25 điểm. - Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	1,0
	5	Nét đẹp văn hóa làng quê Việt Nam trong ngày xuân - Nét đẹp thể hiện trên trang phục truyền thống - Không khí háo hức đi hội chùa trong ngày xuân của mọi người. Hướng dẫn chấm:	1,0

		<p>- HS trả lời được 2 ý: 1,0 điểm</p> <p>- HS trả lời được 1 ý: 0,5 điểm</p> <p>Lưu ý: Học sinh có thể diễn đạt khác, miễn hợp lý, thuyết phục.</p>	
6		<p>- Nhận xét về đẹp tâm hồn và tình cảm của nhân vật trữ tình trong bài thơ:</p> <p>+ Nhạy cảm, rung động trước vẻ đẹp thiên nhiên, con người trong mùa xuân.</p> <p>+ Yêu mến, trân trọng vẻ đẹp thiên nhiên và con người nơi làng quê.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời phù hợp, lý giải hợp lý, thuyết phục : 1,0 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt, thiếu ý : 0,5-0,75 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời sơ sài, chưa lý giải thuyết phục; 0,25 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm.</p> <p>* Lưu ý: Học sinh có thể diễn đạt khác, miễn hợp lý, thuyết phục.</p>	1,0
7		<p>- HS trình bày suy nghĩ của mình, gợi ý những ý chính sau:</p> <p>+ Hướng về cội nguồn</p> <p>+ Kết nối mối quan hệ cộng đồng</p> <p>+ Phát huy bản sắc văn hóa của cộng đồng, dân tộc...</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời phù hợp, lý giải hợp lý, thuyết phục : 1,0 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt, thiếu ý : 0,5-0,75 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời sơ sài, chưa lý giải thuyết phục; 0,25 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm.</p> <p>* Lưu ý: Học sinh có thể diễn đạt khác, miễn hợp lý, thuyết phục.</p>	1,0
8		<p>Gợi ý thông điệp HS rút ra:</p> <p>- Tình yêu thiên nhiên, sống hòa hợp, chan hòa với thiên</p>	0,5

		<p>nhiên</p> <p>- Giữ gìn và trân trọng những giá trị của bản sắc văn hóa làng quê.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trình bày như đáp án: 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt, thiếu ý : 0,25 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm.</p> <p>* Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.</p>	
II		VIẾT	4,0
		<p><i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i></p> <p>Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề</p>	0,25
		<p><i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen đi học muộn</p>	0,5
		<p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i></p> <p>HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, nêu rõ lí do và quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng thuyết phục.</p> <p>Sau đây là một hướng gợi ý:</p> <p>- Thực trạng: Ở các trường học khắp nơi, đầu mỗi buổi học không khó để bắt gặp tình trạng các bạn học sinh đi học muộn.</p> <p>- Nguyên nhân</p> <p>+ Do ý thức chủ quan của các bạn học sinh chưa chủ động sắp xếp thời gian trong cuộc sống của chính mình cũng như chưa tôn trọng quy định thời gian của nhà trường</p> <p>+ Nhà trường chưa giám sát và xử lý nghiêm khắc những trường hợp đi học muộn, tái phạm việc đi học muộn nhiều lần.</p> <p>- Hậu quả</p> <p>+ Việc học của các em bị trì trệ, tâm lí hốt hải, việc chủ động trong học tập chưa thực sự tốt và hiệu quả học tập từ đó sẽ bị giảm sút.</p> <p>+ Ảnh hưởng đến thầy cô, những bạn học sinh khác đã có mặt đúng giờ, ảnh hưởng đến sự thi đua, thành tích của cả lớp học.</p>	2,5

	<p>- Giải pháp từ bỏ thói quen đi học muộn</p> <p>+ HS biết coi trọng thời gian, tôn trọng quy định của nhà trường</p> <p>+ Lên kế hoạch cụ thể để đảm bảo đi học đúng thời gian quy định</p> <p>+ Nhà trường cần giám sát và kỉ luật nghiêm khắc hơn nữa những học sinh có tình trạng đi học muộn nhiều lần.</p> <p>- Khẳng định lại vấn đề: Đi học muộn là thói quen xấu. Cần từ bỏ thói quen đi học muộn để không làm ảnh hưởng đến người khác. Cần xây dựng thói quen đúng giờ để đạt kết quả học tập tốt hơn.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,5 điểm.</p> <p>- Học sinh phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 1,75 điểm - 2,25 điểm.</p> <p>- Học sinh phân tích chung chung, chưa rõ các biểu hiện: 0,5 điểm - 0,75 điểm.</p> <p>- Học sinh phân tích sơ lược, không rõ các biểu hiện: 0,25 điểm.</p>	
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</p>	0,25
	<p>e. Sáng tạo:</p> <p>Thể hiện những suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
I+II		10,0

ĐỀ 7**ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I****NĂM HỌC 2025-2026****MÔN: NGỮ VĂN 10****I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)****Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:****BÁT PHỞ**

Bạn có bao giờ, khi đang ngồi trong một hàng phở, và đặt ra câu hỏi: có gì lạ với bát phở của người kế bên mình? Ông chủ quán - đứng giữa hai cái bếp than rừng rực cháy, hai cái nồi nước sùng sục sôi và chỉ có mỗi cái khăn chảo lòng vắt vai để vượt đi những lượt mồ hôi nhễ nhại - hẳn sẽ nổi xung lên. Cũng nước phở sóng sánh. Bánh cũng mềm, thơm, đảm bảo không formon. Thịt bò vừa chín tới. Thêm vài giọt

chanh vắt vào. Hành chân tới độ, không hăng mà vẫn giòn, ngọt. Có làm đến trăm bát, đảm bảo bát nào chất lượng cũng giống nhau hết, không ai thiệt hơn ai.

Vậy sao tôi vẫn không tìm được mình, để khỏi nhìn sang bát phở bên cạnh. Hai cậu học trò gầy guộc, khuôn mặt hơi ngơ ngác. Một trắng xanh, một ngăm ngăm đen. Bên cạnh mỗi cậu là một người cha. Họ lặng lẽ ăn, trong khi những người cha lặng lẽ ngồi đót thuốc, mắt lơ đãng nhìn ra phố xá. [...]

Hai người cha hẹn nhau ngày mốt, lúc thi xong thì cùng đến chỗ ấy, chỗ kia để về quê. Hóa ra, họ đang đưa hai con lên Hà Nội thi đại học. Ngày mai, kỳ thi bắt đầu. Hẹn xong, họ cùng đứng lên. Rồi đi xuôi xuống phố, qua quán phở, chỗ tôi đang ngồi ăn. Bỗng nhiên, đoàn bốn người ấy dừng lại. Phân vân. Người cha hỏi con điều gì đó. Rồi hai ông bố trao đổi với nhau. Mất chừng vài phút.

Và họ cùng quay lại chỗ quán phở. Ngồi xuống chiếc bàn nhựa cập kênh, kê bên tôi. Thằng nhỏ chạy bàn đi tới, lạch xạch lau vài ba đường trên cái mặt bàn xin xắn, nhòn mõ, đoạn hỏi: “Bác ăn gì?” Cả bốn người họ nhìn sang tôi, nhìn sang những bàn khác, rồi tần ngần nhìn tới nhìn lui cái biển ghi trên cửa quán.

“Phở bò nhé? Tái hay chín?”, “Thêm cả quả trứng cho chắc bụng nhé?”

Hai cậu con nhè nhẹ gật đầu: “Vâng, gì cũng được”. “Thế thì cho hai phở bò chín. Hai trứng”

Thằng nhỏ chạy bàn vo cái khăn trong tay, tần ngần nhìn bốn người, ý chừng như muốn hỏi: “Sao bốn người mà chỉ có hai bát?”

Nó chạy ra chỗ ông chủ quán, chống lòn: “Hai bò!”

Ông chủ quán lẩn cái khăn màu cháo lòng qua vuông mặt đỏ lựng vì lửa than, rồi vắt trả cái khăn về bên vai, tay dao tay thót nhoay nhoáy. Trong tích tắc, hai bát phở sóng sánh được bê ra, đặt trình trọng trên bàn.

“Chúng mày ăn đi!”. Một trong hai người cha lên tiếng. Đoạn hai ông kéo xích cái ghế ra ngoài một chút, thì thầm nói chuyện với nhau. Đại loại ba cái chuyện mùa màng, bò đẻ, vải thiều sứt giá... Rồi tới nữa là chuyện phòng trọ trên này sao đắt chi mà đắt. Sáng mốt ngủ dậy, mình phải trả phòng luôn, không là họ tính thêm một ngày nữa. Mình đợi chúng nó ngoài phòng thì, thi xong thì ra bến xe về luôn. Cần thì mua mấy tấm bánh mì, lên xe ăn tạm. Về đến quê rồi, chúng nó thích ăn gì, tha hồ ăn. Chứ trên này, chắc... chắc. [...]

Trong khi ấy, hai cậu con vẫn cặm cụi với bát phở của mình. Chúng không nói gì. Không cả dám khen một câu đại loại: “Phở ở đây ngon quá”. Hàng phở này ngon thật. Tôi vốn sành ăn phở, những quán thế này không thật nhiều. Nhưng vì sao chúng không hồ hởi mà thốt ra một câu như thế?

Và tôi, không tìm nên được mình, cứ hướng sang phía bốn con người ấy. Bốn con người ngồi lặng một góc giữa cái quán ồn ã. Người cha sẽ đợi những đứa con của mình ăn đến tận thìa nước cuối cùng, rồi lặng lẽ moi cái ví bằng vải bông chân màu lam cất trong ngực áo ra. Ông sẽ phải đếm một lúc những tờ hai nghìn, năm nghìn, mười nghìn để sao cho đủ ba mươi nghìn đồng, trả cho hai bát phở. Ông - một tích tắc nào đó - dẫu có bị quấy rầy bởi cái mùi nước phở đang cất lên ngào ngạt kia, cũng chỉ dám nuốt nước miếng mà thôi. Sẽ là một đĩa com suất ven đường, ít thịt, nhiều rau, xin thêm miếng cháy cho chắc dạ. Cũng vào cỡ năm, bảy nghìn đồng chứ ít ỏi gì.

Hai cậu con trai lặng lẽ bên những người cha. Chúng nhìn những đồng tiền đi ra khỏi ví của cha. Trên gương mặt chúng hiện hiện rõ ràng nỗi âu lo, mệt mỏi. Những kỳ thi, những nẻo đường còn ngổn ngang phía trước...

(Phong Điệp¹, *Kẻ dự phần*, Nhà xuất bản Văn học, 2008,

tr.43,44)

Câu 1. (0,5 điểm) Xác định ngôi kể của đoạn trích.

Câu 2. (0,5 điểm) Bối cảnh của câu chuyện diễn ra trong không gian nào?

Câu 3. (0,5 điểm) Ở đoạn đầu câu chuyện, món phở được người kể chuyện miêu tả như thế nào?

Câu 4. (1,0 điểm) Theo bạn, tại sao hai cậu con trai không nói gì khi ăn phở?

Câu 5. (1,0 điểm) Việc hai người cha trả những đồng tiền lẻ cho thấy tình cảnh gì ở họ?

Câu 6. (1,0 điểm) Bạn hiểu như thế nào về chi tiết sau: “Ông - một tích tắc nào đó - dẫu có bị quyến rũ bởi cái mùi nước phở đang cất lên ngào ngạt kia, cũng chỉ dám nuốt nước miếng mà thôi”.

Câu 7. (1,0 điểm) Nếu bạn là người con trong câu chuyện trên, bạn sẽ suy nghĩ và hành động như thế nào khi thấy người cha không ăn phở? Vì sao?

Câu 8. (0,5 điểm) Qua đoạn trích trên, bạn hãy rút ra một thông điệp có ý nghĩa với bản thân.

II. LÀM VĂN (4,0 điểm)

Viết một bài luận (khoảng 500 - 800 chữ) phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật đoạn trích *Bát phở* của nhà văn Phong Điệp (được dẫn ở trên).

.....Hết.....

Học sinh không được sử dụng tài liệu, giám thị không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I MÔN NGỮ VĂN, LỚP 10

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6.0
	1	Ngôi kể thứ nhất. Hướng dẫn chấm: - HS trả lời như đáp án (0,5 điểm) - HS trả lời sai hoặc không trả lời (0,0 điểm)	0.5
	2	Không gian: quán phở. Hướng dẫn chấm: - HS trả lời như đáp án (0,5 điểm) - HS trả lời sai hoặc không trả lời (0,0 điểm)	0.5
	3	Món phở được miêu tả: <i>nước phở sóng sánh. Bánh cũng mềm,</i>	0.5

¹ Phong Điệp là một cây bút trẻ với sức sáng tạo dồi dào của văn học Việt Nam đương đại. Nhà văn Phong Điệp sinh ngày 6 tháng 6 năm 1976 tại huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định. Phong Điệp viết văn từ rất sớm, thành công trên nhiều thể loại, trong đó nổi bật nhất là truyện ngắn và tiểu thuyết, xuất bản hơn 30 đầu sách (trong và ngoài nước). Một số tác phẩm tiêu biểu của nhà văn Phong Điệp phải kể đến như *Khi ta hai mươi* (tập truyện ngắn), *Kẻ dự phần* (tập truyện ngắn), *Blogger* (tiểu thuyết), *Ga kí ức* (tiểu thuyết),...

	<p>thơm, đảm bảo không formon. Thịt bò vừa chín tới. Thêm vài giọt chanh vắt vào. Hành chần tới độ, không hăng mà vẫn giòn, ngọt.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời như đáp án (0,5 điểm) - HS trả lời sai hoặc không trả lời (0,0 điểm) 	
4	<p>Hai người con không nói gì khi ăn phở, vì:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hai người con đang trong hoàn cảnh đói bụng, thường thức hương vị thơm ngon của món phở; - Đồng thời, hai người con còn thương cha, không dám nói điều gì. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời như đáp án hoặc sử dụng từ ngữ tương đương hoặc diễn đạt khác nhưng thuyết phục, phù hợp (1,0 điểm) - HS trả lời chung chung, không rõ ý (0,5 điểm) - Trả lời sai hoặc không trả lời (0 điểm) 	1,0
5	<p>Việc trả những đồng tiền lẻ cho thấy hoàn cảnh gia đình hai người rất khó khăn, nghèo đói. Họ bòn mót, chắt chiu từng đồng để cho con ăn học.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời như đáp án hoặc sử dụng từ ngữ tương đương (1,0 điểm) - Trả lời sai hoặc không trả lời (0 điểm) 	1,0
6	<p>Chi tiết trên có thể hiểu là: Mặc dù muốn ăn phở nhưng họ không có tiền để ăn, họ dành tất cả tình thương cho hai người con, thiết thời đói khát dành phần mình.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời như đáp án hoặc sử dụng từ ngữ tương đương (1,0 điểm) - Trả lời sai hoặc không trả lời (0 điểm) 	1,0
7	<p>Học sinh đưa ra suy nghĩ và hành động của mình một cách phù hợp với đạo đức, cách hành xử văn minh.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu được quan điểm, cách ứng xử phù hợp (0,5 điểm) - Lí giải thuyết phục, hợp lí (0,5 điểm) 	1,0
8	<p>- Học sinh đưa ra được thông điệp có ý nghĩa với bản thân, đảm bảo phù hợp với đạo đức, lối sống tích cực, nhân văn.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nêu được thông điệp (0,5 điểm) - HS không nêu được thông điệp (0,0 điểm) 	0,5
II	VIẾT	4.0
	<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</p> <p>Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề</p>	0.5
	<p>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</p> <p>Những nét đặc sắc trong nội dung và nghệ thuật của đoạn trích <i>Bát phở</i>.</p>	0.5

	<p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i></p> <p>HS có thể viết bài nhiều cách trên cơ sở kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm; đảm bảo các yêu cầu sau:</p>	2.0
	<p>- Giới thiệu khái quát tác giả, tác phẩm.</p> <p>- Về nội dung:</p> <p>+ Tác phẩm kể về cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa người kể chuyện và hai cặp cha con trong một quán phở. Họ là những người dân quê chất phác đưa con đi thi đại học.</p> <p>+ Qua quan sát và suy ngẫm của người kể chuyện, họ hiện lên là những người nghèo nhưng giàu tình cảm. Hai người cha dành tiền lặn lội đưa con đi thi; dành những đồng tiền ít ỏi để mua cho con bát phở. Hai người con cũng hiểu và đồng cảm với những khó khăn của cha</p> <p>- Về nghệ thuật: câu chuyện không dài, ít chi tiết và tình tiết, kết thúc còn để ngỏ nhưng gợi mở nhiều suy nghĩ cho người đọc; ngôn ngữ chân thực, gần gũi; giọng điệu cảm thông, suy tư.</p> <p>- Đánh giá giá trị tư tưởng của đoạn trích: Truyện đã phản ánh chân thực tình cảnh và những khát vọng đổi đời của những học sinh xuất thân từ làng quê nghèo và những kì vọng của gia đình họ.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Bài viết đầy đủ, sâu sắc, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục: 2,0 điểm.</p> <p>- Bài viết chưa đầy đủ hoặc chưa sâu: 1,0 điểm – 1,75 điểm.</p> <p>- Trình bày chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 0,75 điểm</p>	
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p> <p>Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</p>	0.5
	<p><i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0.5
Tổng điểm		10.0